

CHUYÊN ĐỀ 3: KÍ

A. KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

I. CÁC DẠNG CÂU HỎI ĐỌC HIỂU THEO CÁC MỨC ĐỘ

1. Nhận biết

a. Những yêu cầu cơ bản

- Nhận biết được cái tôi trữ tình, kết cấu của văn bản, các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật trong phóng sự, hồi kí, nhật kí.
- Nhận biết được các yếu tố tự sự, trữ tình, yếu tố phi hư cấu trong tác phẩm. Chỉ ra được những thông tin tri thức mang tính hiện thực, khách quan và cách nhìn riêng, thái độ, quan điểm mang tính chủ quan của người viết.
- Nhận biết được những dấu hiệu phân biệt giữa phóng sự, hồi kí và nhật kí.
- Nhận biết được một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong văn bản.

b. Một số dạng câu hỏi và cách trả lời

Dạng 1: Nhận biết về đề tài, cái tôi trữ tình, kết cấu, chi tiết tiêu biểu của văn bản.

Kiến thức cơ bản:

+ **Đề tài:** là lĩnh vực đời sống được nhà văn nhận thức, lựa chọn, khái quát, bình giá và thể hiện trong văn bản.

+ **Cái tôi trữ tình:** là sự thể hiện tâm trạng, cảm xúc, cảm nhận của tác giả, là thế giới nội tâm của tác giả trước hiện thực khách quan. Qua cái tôi trữ tình, người đọc có thể cảm nhận được những suy nghĩ, tư tưởng và quan niệm... của tác giả trước cuộc đời.

+ **Kết cấu văn bản văn học:** là cách sắp xếp, tổ chức các thành tố của văn bản thành một đơn vị, thống nhất, hoàn chỉnh, có ý nghĩa. Một số kết cấu văn bản văn học: kết cấu theo trình tự thời gian, kết cấu mở theo dòng suy nghĩ của tác giả, kết cấu hai tuyến nhân vật, kết cấu đa tuyến, kết cấu tâm lí, kết cấu đồng hiện, kết cấu vòng tròn,...

+ **Chi tiết tiêu biểu** (một lời nói, một cử chỉ, một hành động của nhân vật... trong tác phẩm mang sức chứa lớn về cảm xúc và tư tưởng) là: chi tiết đặc sắc, tập trung thể hiện rõ nét sự việc tiêu biểu.

Dấu hiệu nhận biết:

+ Đề tài: căn cứ vào đối tượng nhà văn lựa chọn, miêu tả, khái quát trong văn bản.

+ Cái tôi trữ tình:

++ Căn cứ vào phạm vi tri thức được thể hiện.

++ Căn cứ vào cách sử dụng từ ngữ; cách liên tưởng, tưởng tượng của nhà văn.

++ Căn cứ vào tình cảm, cảm xúc của nhà văn.

+ Kết cấu: căn cứ vào các loại kết cấu.

+ Chi tiết tiêu biểu:

++ Căn cứ vào khái niệm chi tiết tiêu biểu, yêu cầu của câu hỏi.

++ Các chi tiết tiêu biểu phải nổi bật, hấp dẫn, tô đậm ngoại hình, tính cách nhân vật và tập trung biểu hiện tư tưởng chủ đề của bài văn.

Cách trả lời:

- + Đề tài/Cái tôi trữ tình của nhà văn/Kết cấu của văn bản là...
- + Các chi tiết tiêu biểu thể hiện... là... (liệt kê đầy đủ các chi tiết tập trung biểu hiện nội dung yêu cầu của câu hỏi).

Dạng 2: Nhận biết yếu tố tự sự, trữ tình; các yếu tố hư cấu và phi hư cấu trong văn bản.

Kiến thức cơ bản:

- + Yếu tố tự sự trong kí là yếu tố kể chuyện, thể hiện qua việc ghi chép, thuật lại các sự việc, câu chuyện, chuỗi tình tiết, liên quan đến hành vi, diễn biến tâm trạng, tình cảm của đối tượng đề cập đến trong văn bản.
- + Yếu tố trữ tình trong kí là yếu tố thể hiện trực tiếp tình cảm, cảm xúc của cái tôi tác giả hay người kể chuyện, quan sát, miêu tả trong văn bản.
- + Yếu tố phi hư cấu trong kí là việc tôn trọng sự thật đời sống, đảm bảo tính xác thực toàn bộ sự việc.
- + Yếu tố hư cấu trong kí thể hiện ở sự sáng tạo riêng của người viết khi xử lí, tổ chức tư liệu và việc lựa chọn giọng điệu, ngôn ngữ trần thuật thích hợp; thể hiện qua cách người viết hình dung, miêu tả tâm trạng, cảm xúc của nhân vật.

Dấu hiệu nhận biết:

- + Tự sự thể hiện qua kể sự việc, câu chuyện, chuỗi tình tiết, liên quan đến hành vi, diễn biến tâm trạng, tình cảm của đối tượng đề cập đến trong văn bản.
- + Trữ tình thể hiện qua cảm xúc của nhà văn đối với đối tượng đề cập trong văn bản.
- + Phi hư cấu thể hiện qua các thông tin xác thực về đối tượng ghi chép.
- + Hư cấu thể hiện qua cách người viết hình dung, miêu tả tâm trạng, cảm xúc của đối tượng. Cách trả lời:

+ Yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình trong văn bản là...

+ Yếu tố hư cấu và phi hư cấu trong văn bản là...

Dạng 3: Nhận biết về câu chuyện, sự kiện, nhân vật trong văn bản.

Kiến thức cơ bản:

- + Câu chuyện (còn gọi là truyện gốc) là nội dung của tác phẩm tự sự bao gồm nhân vật, bối cảnh, và các sự kiện được sắp xếp theo thời gian.
- + Sự kiện là những biến đổi, tác động, sự cố có ý nghĩa quan trọng đối với nhân vật, làm cho nhân vật và quan hệ của chúng không giữ nguyên hiện trạng mà phải biến đổi theo.
- + Nhân vật: Theo quan điểm của Lại Nguyên Ân trong cuốn *150 thuật ngữ văn học* đã cho rằng “Hình tượng nghệ thuật về con người, một trong những dấu hiệu về sự tồn tại trọn vẹn của con người trong nghệ thuật ngôn từ. Bên cạnh con người, nhân vật văn học có khi còn là các con vật, các loài cây, các sinh thể hoang đường được gán cho những đặc điểm giống con người”.

Dấu hiệu nhận biết: dựa vào các khái niệm, câu chuyện, sự kiện, nhân vật.

- Cách trả lời:

- + Văn bản trên kể lại những sự kiện... (liệt kê các sự kiện).
- + Nhân vật chính của văn bản là...

Dạng 4: Nhận biết những dấu hiệu phân biệt giữa phóng sự, hồi kí và nhật kí.

Kiến thức cơ bản:

+ Phóng sự: là loại kí ghi chép nhanh chóng vấn đề mang tính thời sự của một địa phương hay toàn xã hội, nhằm đáp ứng nhu cầu nhận thức của cộng đồng về vấn đề đó. Phóng sự đề cao tính chân thực, sinh động. Đọc phóng sự, ta có thể hình dung rõ nét sự việc đang diễn ra, từ lúc phát sinh cho đến những tiền triển sau này.

+ Hồi kí: là thể loại ghi lại những sự việc thuộc quá khứ, qua sự hồi tưởng. Lời văn của hồi kí thường mang hơi hướng tâm sự, thể hiện tâm tư, tình cảm của tác giả. Tuy nhiên, sự việc trong hồi kí cũng cần chính xác, chân thực. Đọc hồi kí, ta có cảm giác đồng hành cùng tác giả về lại miền kí ức, qua đó nắm bắt được các sự việc trong quá khứ một cách sâu sắc hơn.

+ Nhật kí: là thể loại kí mang tính chất riêng tư, đời thường nhiều nhất. Nếu hầu hết các tác phẩm văn học là để giao lưu với người khác, thì nhật kí chủ yếu để giao lưu với chính mình. Trong nhật kí, người viết ghi chép lại những sự việc đã, đang và sẽ diễn ra theo đúng trình tự thời gian, đồng thời sẵn sàng bộc lộ cảm xúc cá nhân và thêm vào những yếu tố chủ quan nhất định. Đọc nhật kí tuy giúp ta hiểu hơn về cuộc sống nhưng trên hết là thấy được hình ảnh của tác giả một cách rất con người, từ đó rút ra chiêm nghiệm cho bản thân.

Dấu hiệu nhận biết:

+ Phóng sự mang tính tường thuật tức thời, giúp cộng đồng ý thức về sự việc đang diễn ra.

+ Hồi kí ghi lại câu chuyện trong quá khứ thông qua sự hồi tưởng, là phương tiện để tác giả chia sẻ, tâm sự nhưng các sự việc cũng cần chân thực, khách quan.

+ Nhật kí ghi lại các sự việc diễn ra hằng ngày, không có giới hạn về thời gian, trong đó tác giả sẵn sàng bộc lộ cảm xúc, những góc nhìn chủ quan của mình. Nhật kí chủ yếu giúp người đọc hiểu về tác giả hơn là về đời sống.

Cách trả lời: Dấu hiệu của phóng sự/hồi kí/nhật kí trong văn bản đoạn trích là... Ví

dụ minh họa cho các dạng câu hỏi nhận biết

Ví dụ 1:

(1) Tôi sinh ra từ một vùng sâu, vùng xa ở bưng biển Đồng Tháp, lớn lên giữa hương đồng cỏ nội. Nơi tôi sống ruộng lúa không hẳn là thẳng cánh cò bay mà đủ ngan ngát mùi thơm sau mỗi mùa gặt.

(2) Đối với những người sinh ra và lớn lên ở thôn quê thì dường như cánh đồng đã trở thành một phần kí ức chẳng thể nào quên, bởi nó gắn liền với tuổi thơ - phần thời gian trong trẻo nhất của một đời người.

(3) Trong kí ức của tôi, bức tranh đồng quê sống động một cách kì lạ. Đó là những sân phơi trải đầy lúa vàng, bụi con nít vẫn hay đi tới đi lui trên những thảm lúa ngoài sân để lúa mau khô, những bước chân nhỏ xinh in ngang dọc trên đệm lúa vàng. Chúng bước nhanh thật nhanh để tránh cái nắng trên đầu và cái nóng hừng hực dưới chân. Ngày mùa trong tôi còn là những ụ thơm, nhánh rạ trở ra sau vụ gặt. Đâu đâu cũng thấy thơm rạ ngút ngàn, vàng những lối đi.

(4) Tôi thương cái mùi thơm rạ quê mình. Nó cứ thoang thoảng rồi loang dần, quấn chặt vào sống

mùi. Mùi thơm rạ là mùi của đồng ruộng, mùi của mồ hôi ba ngày vác cuốc ra đồng, mùi của niềm vui mùa lúa trổ, mùi nỗi buồn nơi khoé mắt mẹ sau mỗi vụ thất thu.

(5) Nồi cơm mới thơm lừng, không những thơm bởi hạt gạo mà còn vì được đun bằng bếp rơm, lửa cháy bùng, cơm sôi ừng ục. Đó là cái mùi cứ phảng phất theo tôi, để rồi những tháng năm sau đó tôi đi khắp mọi miền, đi qua những đồng lúa xanh tím mắt bất chợt nhớ đến mùi thơm ấy, mùi hương của rơm rạ và mùi của chèn gạo thơm hương lúa mới. Cái mùi ấy ngan ngát trong lồng ngực không dễ quên của biết bao con người lớn lên từ ruộng đồng như tôi.

(6) [...] Tôi lớn lên giữa mùi rơm rạ quê hương, mấy đứa bạn tôi giờ mỗi đứa một nơi. Có đứa qua xứ Tây Đô lập nghiệp, có đứa đi làm dâu tận vùng miệt thử Cà Mau. Còn tôi... sống và làm việc ở phố thị xa hoa, đêm đêm nhớ nhà, nhớ mùi rơm rạ mà bật khóc. Chao ôi, cái mùi rạ nồng nồng khó tả.

(7) Mỗi lần về nhà đúng mùa gặt lúa, tôi hít lấy một hơi thật sâu như muốn nuốt hết cái không khí ấy, nhớ về mình còn là đứa trẻ của những tháng năm xưa. Những tháng năm đầu trần ngôi máy kéo ra đồng nghịch rơm, những tháng năm còn được nằm trọn trong vòng tay của ba mẹ.

(8) Có sợi rơm nào bay theo gió vương qua cành lá non, phảng phất hương vị của mùa mới, mùa của yêu thương, ước vọng và hi vọng. Tôi mang theo những khát khao, những ước mơ của mình gửi vào hương vị đó để thấy ấm áp, góp nhặt yêu thương cho riêng mình.

(9) Những kí ức tuổi thơ gắn liền với mùi rơm rạ quê hương bỗng chốc ùa về làm cho con đường đến sân bay trở nên ngắn ngủi. Tôi và anh tài xế công nghệ kia tạm gác lại những ký ức miền Tây thân thương của mình để hoà vào nhịp sống hối hả. Tôi tin là nó chỉ tạm số” hoặc đôi khi chỉ cần nhắc về hai tiếng miền Tây thì những kí ức lắng lại trong tâm thức mỗi người rồi đến khi gặp người “rà đúng tận thân thương ấy lại ào ạt ùa về. Đã là tuổi thơ, là quê hương thì làm sao mà quên cho được.

(Nhiều tác giả, trích *Nghĩa tình miền Tây*, Nxb. Hồng Đức, 2022, tr. 41-44)

Dạng câu hỏi nhận biết về đề tài, cái tôi trữ tình, kết cấu của văn bản, chi tiết tiêu biểu.

Câu hỏi: Xác định đề tài của văn bản.

Trả lời: Đề tài của văn bản trên là quê hương.

Câu hỏi: Trong đoạn (9), điều gì làm cho con đường đến sân bay của nhân vật tôi trở nên ngắn ngủi?

Trả lời: Trong đoạn (9), điều làm cho con đường đến sân bay của nhân vật tôi trở nên ngắn ngủi là “Những kí ức tuổi thơ gắn liền với mùi rơm rạ quê hương bỗng chốc ùa về.

Câu hỏi: Ở đoạn (3), trong kí ức của nhân vật tôi, bức tranh đồng quê hiện lên qua những hình ảnh nào?

Trả lời:

Những hình ảnh đó là: những sân phơi trái đầy lúa vàng, tụi con nít đi tới đi lui trên những thảm lúa ngoài sân, những bước chân nhỏ xinh in trên đệm lúa vàng, những ụ rơm nhánh rạ trơ ra sau vụ gặt, rơm rạ ngút ngàn, vàng những lối đi.

Dạng câu hỏi nhận biết yếu tố tự sự, trữ tình; các yếu tố hư cấu và phi hư cấu trong văn bản:

Câu hỏi: Chỉ ra yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình trong đoạn (3),(4) của văn bản.

Trả lời:

+ Yếu tố tự sự: *“Đó là những sân phơi trái đầy lúa vàng, tụi con nít vẫn hay đi tới đi lui trên những thảm lúa ngoài sân để lúa mau khô, những bước chân nhỏ xinh in ngang dọc trên đệm lúa vàng. Chúng bước nhanh thật nhanh để tránh cái nắng trên đầu và cái nóng hừng hực dưới chân.”*

+ Yếu tố trữ tình: *“Tôi thương cái mùi rom rạ quê mình. Nó cứ thoang thoảng rồi loang dần, quán chặt vào sống mũi.”*

Câu hỏi: Chỉ ra yếu tố phi hư cấu và hư cấu trong đoạn (1),(6),(9) của văn bản. Trả lời:

- Yếu tố phi hư cấu:

+ Tôi sinh ra từ một vùng sâu vùng xa ở bung biển Đồng Tháp, lớn lên giữa hương đồng cỏ nội.

+ Có đũa qua xứ Tây Đô lập nghiệp, có đũa đi làm dâu tận vùng miệt thứ Cà Mau. Còn tôi... sống và làm việc ở phố thị xa hoa.

+ Tôi và anh tài xế công nghệ kia tạm gác lại những ký ức miền Tây thân thương của mình để hoà vào nhịp sống hối hả.

- Yếu tố hư cấu:

+ Những kí ức tuổi thơ gắn liền với mùi rom rạ quê hương bỗng chốc ùa về làm cho con đường đến sân bay trở nên ngắn ngủi.

Ví dụ 2:

(1) *Khi đi thăm đường kéo pháo, tôi cảm thấy băn khoăn. Con đường kéo pháo khá dài, nằm trên địa bàn hiểm trở, nhiều dốc cao, vực sâu. Tôi thấy rất khó để đưa pháo vào trận địa đúng thời gian dự kiến. Và việc tiếp đạn khi chiến đấu sẽ rất khó khăn.*

(2) *Sau bảy đêm, pháo vẫn chưa tới vị trí quy định. Thời gian nổ súng dự định ngày 20 tháng 1 năm 1954, phải lui lại năm ngày. Chúng ta chưa lường hết trở ngại khi dùng sức người kéo những khối thép nặng hai tấn, qua những dốc cao 30,40 độ, có chỗ lên tới 60 độ, lại bị máy bay và pháo đài địch cản trở. Trong những ngày qua, có những bản bộ, chiến sĩ đã hy sinh để cứu pháo khỏi lặn xuống vực sâu. Trước đó, xe chỉ chuyển pháo tới cửa rừng Nà Nham, để phòng vào gần hơn địch phát hiện tiếng động cơ. Bộ chỉ huy chiến dịch buộc phải có một quyết định mới: cho 351 dùng xe ô tô đưa pháo vào khu vực Nà Ten, Nà Hy để giảm khoảng ba đêm kéo pháo bằng tay.*

(3) *Từ hội nghị Thảm Púa tới khi đưa pháo vào trận địa đối với tôi là một thời gian rất dài. Nhiều đêm thao thức. Suy tính, cân nhắc rất nhiều lần, vẫn chỉ tìm thấy rất ít yếu tố thắng lợi. Tôi căn dặn các phải viên đi nắm tình hình, thấy bất cứ điều gì đáng chú ý đều phải báo cáo kịp thời. Mọi người đều phản ánh tinh thần chuẩn bị chiến đấu rất cao của cán bộ, chiến sĩ. Đại đoàn trưởng 312 Lê Trọng Tấn nói với tôi trong quá trình chiến đấu, sẽ phải đột phá liên tục ba lần mới vào được trung tâm. Nhưng đây chỉ là sự tính toán công việc phải làm. Đại đoàn trưởng 308 Vương Thừa Vũ, đảm nhiệm mũi chọc sâu, hoàn toàn giữ im lặng. Sang ngày thứ chín, hai ngày trước khi nổ súng, đồng chí Phạm Kiệt, Cục phó Cục Bảo vệ, theo dõi việc kéo pháo ở phía tây, đề nghị gặp tôi qua điện thoại. Anh Kiệt nhận xét: “Pháo của ta đều đặt trên trận địa đã chiến, địa hình rất trống trải, nếu*

bị phản pháo, hoặc máy bay đánh phá sẽ khó tránh tổn thất. Một số pháo vẫn chưa kéo được tới trận địa”. Đây là người ưu tiên, và cũng là duy nhất, phát hiện khó khăn.

(Trích hồi kí “Điện Biên Phủ - điểm hẹn lịch sử”, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2006).

**** Chú thích:**

Hình ảnh:



Bộ đội kéo pháo vào chiến dịch Điện Biên Phủ (Ảnh: tư liệu TTXVN)

2. Thông tin:

- Đoạn trích nằm trong cuốn hồi kí “Điện Biên Phủ - điểm hẹn lịch sử” của Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

- Toàn bộ phần này Đại tướng nói về việc thực hiện hai lệnh khác nhau của Đại tướng, cụ thể: Mặc dù phải bỏ biết bao công sức và cả tính mạng của chiến sĩ, mới kéo được pháo vào đến mặt trận Điện Biên Phủ, sẵn sàng trút đạn xuống đầu thù. Vậy mà để bảo đảm cho thắng lợi cuối cùng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã ra lệnh “kéo pháo ra!” để chuyển từ phương châm “đánh nhanh, thắng nhanh”. sang “đánh chắc, tiến chắc”. Trong đoạn trích, đồng chí Phạm Kiệt, Cục phó Cục Bảo vệ là người duy nhất phát hiện và đánh giá được mức độ khó khăn nếu giữ nguyên pháo đài và thực hiện ý đồ trút pháo xuống kẻ thù. Đây cũng là nhận định của Đại tướng. Bởi vậy, giờ nổ súng của chiến dịch Điện Biên Phủ dự kiến vào đêm ngày 25/1/1954 lại phải hoãn lại.

- Thông qua diễn biến của sự việc lần này trong chiến dịch, Đại tướng rút ra và đưa đến một bài học sâu sắc về dân chủ nội bộ.

Dạng câu hỏi nhận biết về câu chuyện, sự kiện, nhân vật trong văn bản phóng sự, hồi kí và nhật kí.

Câu hỏi: Đoạn trích kể lại sự kiện gì?

Trả lời:

Đoạn trích trên kể lại sự kiện thực hiện hai lệnh khác nhau của Đại Tướng: kéo pháo vào trận địa Điện Biên Phủ và kéo pháo ra khỏi trận địa.

Câu hỏi: Xác định nhân vật chính trong đoạn trích.

Trả lời:

Nhân vật chính trong đoạn trích là: Đại tướng Võ Nguyên Giáp/Tác giả/Nhân vật tôi.

Dạng câu hỏi nhận biết về những thông tin tri thức mang tính hiện thực, khách quan và cách nhìn riêng, thái độ, quan điểm mang tính chủ quan của người viết.

Câu hỏi: Chỉ ra những thông tin tri thức mang tính hiện thực, khách quan ở đoạn (1) của văn bản.

Trả lời: Thông tin tri thức mang tính hiện thực, khách quan ở đoạn (1) là *con đường kéo pháo khá dài, nằm trên địa bàn hiểm trở, nhiều dốc cao, vực sâu.*

Câu hỏi: Chỉ ra câu văn thể hiện cách nhìn riêng, thái độ của Đại tướng ở đoạn (1).

Trả lời: Câu văn thể hiện cách nhìn riêng, thái độ của Đại tướng ở đoạn (1) là: *Tôi cảm thấy băn*

khoản. Tôi thấy rất khó để đưa pháo vào trận địa đúng thời gian dự kiến. Và việc tiếp đạn khi chiến đấu sẽ rất khó khăn.

2. Thông hiểu

a. Những yêu cầu cơ bản

Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu, đề tài, cái tôi trữ tình, giọng điệu và mối quan hệ giữa các yếu tố này trong văn bản.

- Phân tích được sự kết hợp giữa cốt tự sự và chất trữ tình; giữa hư cấu và phi hư cấu trong văn bản.
- Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản.
- Phân tích, lí giải được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của văn bản.
- Phân tích được những đặc điểm của hình tượng trung tâm trong tác phẩm kí; lí giải được vai trò, ý nghĩa của hình tượng này trong tác phẩm.
- Phân tích, lí giải một số thủ pháp nghệ thuật như: miêu tả, trần thuật; sự kết hợp chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, yếu tố chủ quan của người viết trong việc thể hiện nội dung văn bản.
- Phân tích và đánh giá được sự phù hợp của người kể chuyện, điểm nhìn trong việc thể hiện chủ đề của văn bản.
- Lí giải được tính đa nghĩa của ngôn ngữ nghệ thuật trong văn bản. Phát hiện và lí giải được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mĩ; giá trị văn hóa và triết lí nhân sinh từ tác phẩm.

b. Một số dạng câu hỏi và cách trả lời

Dạng 1: Phân tích, lí giải ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu, đề tài, cái tôi trữ tình, giọng điệu.

Kiến thức cơ bản:

- + Vai trò của chi tiết tiêu biểu: dẫn dắt câu chuyện, tô đậm đặc điểm, tính cách nhân vật, tạo sự hấp dẫn, làm nổi bật chủ đề tư tưởng của văn bản.
- + Vai trò của đề tài: giúp nhà văn thể hiện quan điểm cá nhân, giá trị và cảm xúc của mình, tạo nên sự đa dạng và phong cách riêng biệt trong tác phẩm văn học.

+ Vai trò của cái tôi nhà văn: giúp người đọc có thể cảm nhận được những suy nghĩ, tư tưởng và quan niệm... của tác giả trước cuộc đời.

+ Vai trò của giọng điệu: truyền cảm cho người đọc và góp phần tạo nên phong cách nhà văn.

Cách trả lời:

+ Chỉ ra chi tiết tiêu biểu, đề tài, cái tôi, giọng điệu.

+ Nêu ý nghĩa/tác dụng của chi tiết tiêu biểu, đề tài, cái tôi, giọng điệu.

Dạng 2: Phân tích sự kết hợp giữa cốt tự sự và chất trữ tình; giữa hư cấu và phi hư cấu trong văn bản.

Kiến thức cơ bản:

+ Tác dụng của sự kết hợp giữa cốt tự sự và chất trữ tình:

++ Tăng sức gợi hình, gợi cảm cho đoạn văn; sinh động, hấp dẫn, thu hút người đọc, người nghe.

++ Giúp nhà văn khắc họa đối tượng, qua đó thấy được tài năng, tình cảm của tác giả đối với đối tượng được miêu tả.

+ Tác dụng của sự kết hợp giữa hư cấu và phi hư cấu: Vừa đảm bảo tính xác thực, để khi cần người đọc có thể dễ dàng kiểm chứng, vừa đảm bảo sự hoàn chỉnh của cấu trúc tác phẩm trong chỉnh thể của nó, giúp tác phẩm có tính nghệ thuật, thẩm mỹ...

Cách trả lời:

- Chỉ ra yếu tố tự sự và trữ tình; yếu tố hư cấu và phi hư cấu trong văn bản.

+ Nêu ý nghĩa/tác dụng của các yếu tố đó.

Dạng 3: Nêu chủ đề, tư tưởng của văn bản.

Kiến thức cơ bản:

+ Chủ đề: là vấn đề chủ yếu, trọng tâm được nhà văn tập trung soi rọi, tô đậm lên trong tác phẩm.

+ Tư tưởng: là sự lí giải đối với chủ đề đã nêu lên, là nhận thức của tác giả muốn trao đổi, nhắn gửi, đối thoại với người đọc.

Cách trả lời:

Đối với dạng câu hỏi nêu chủ đề:

+ Nêu chủ đề của văn bản.

+ Thái độ tình cảm của nhà văn đối với vấn đề đó.

Đối với dạng câu hỏi nêu giá trị tư tưởng:

+ Nêu vấn đề được nói tới trong văn bản.

+ Thái độ, tình cảm của nhà văn đối với vấn đề đó.

+ Điều tác giả nhắn gửi tới người đọc.

Dạng 4: Lí giải tình cảm, cảm xúc; cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản.

Kiến thức cơ bản:

+ Tình cảm, cảm xúc: là các yếu tố biểu cảm được tác giả thể hiện trong văn bản.

+ Cảm hứng chủ đạo: là trạng thái tình cảm mãnh liệt, say đắm xuyên suốt tác phẩm nghệ thuật, gắn liền với một tư tưởng xác định, một sự đánh giá nhất định, gây tác động đến cảm xúc của người đọc.

Cách trả lời:

Đối với dạng câu hỏi nhận xét cảm hứng chủ đạo:

+ Nêu cảm hứng chủ đạo của văn bản.

+ Nhận xét: Đó là cảm hứng ...

Đối với dạng câu hỏi nhận xét tình cảm:

+ Nêu tình cảm của tác giả (chọn: yêu quý, trân trọng, biết ơn, tự hào, ...).

+ Nhận xét: Đó là tình cảm... (chân thành, sâu sắc, đúng đắn; góp phần hình thành và giáo dục nhân cách, lối sống tích cực).

Dạng 5: Phát hiện và lí giải các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của văn bản.

Cách hỏi: Từ câu văn..... anh/chị hiểu gì về...

Cách trả lời:

+ Nêu nội dung của câu văn.

+ Lí giải vấn đề (ý nghĩa của các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh đối với đời sống con người. Từ đó, mỗi chúng ta phải biết gìn giữ những giá trị văn hóa ấy).

Dạng 6: Lí giải vai trò, ý nghĩa của hình tượng trung tâm trong tác phẩm.

Kiến thức cơ bản: Hình tượng trung tâm trong văn bản giúp cho văn bản thể hiện rõ chủ đề, tư tưởng của tác phẩm, góp phần làm nên thành công về nghệ thuật cho tác phẩm.

Cách trả lời:

+Chỉ ra được hình tượng trung tâm trong văn bản/đoạn trích.

+ Vai trò hình tượng trung tâm trong văn bản/đoạn trích.

Dạng 7: Phân tích, lí giải một số thủ pháp nghệ thuật như: miêu tả, trần thuật; sự kết hợp chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, yếu tố chủ quan của người viết trong việc thể hiện nội dung văn bản.

Kiến thức cơ bản:

+ Vai trò của việc kết hợp thủ pháp nghệ thuật miêu tả với trần thuật giúp cho sự kiện và con người trong tác phẩm hiện lên rõ ràng, sinh động, khơi gợi nhiều tình cảm, cảm xúc cho người đọc.

+ Vai trò của sự kết hợp chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, yếu tố chủ quan của người viết giúp cho hồi kí, nhật kí, phóng sự không những làm tròn chức năng thông tin mà còn chứa đựng tư tưởng. Đọc nhật kí, hồi kí, phóng sự ta không chỉ thấy được sự kiện mà còn thấy được những vấn đề mang ý nghĩa xã hội sâu sắc, hiểu được hoàn cảnh, tính cách, số phận của nhân vật.

Cách hỏi: Việc kết hợp thủ pháp trần thuật với miêu tả trong đoạn trích/văn bản có tác dụng gì?

Cách trả lời:

+Chỉ ra thủ pháp trần thuật và miêu tả trong đoạn trích/văn bản.

+ Tác dụng của việc kết hợp hai thủ pháp đó.

VÍ DỤ MINH HỌA CHO CÁC DẠNG CÂU HỎI THÔNG HIỂU

Ví dụ 1:

Dạng câu hỏi về ý nghĩa của sự kết hợp giữa cốt tự sự và chất trữ tình.

Câu hỏi: Phân tích sự kết hợp hai yếu tố tự sự và trữ tình của đoạn văn sau:

“Tôi lớn lên giữa mùi thơm quê hương, mấy đứa bạn tôi giờ mỗi đứa một nơi. Có đứa qua xứ Tây Đô lập nghiệp, có đứa đi làm dâu tận vùng miệt thứ Cà Mau. Còn tôi... sống và làm việc ở phố thị xa hoa, đêm đêm nhớ nhà, nhớ mùi thơm mà bật khóc. Chao ôi, cái mùi ra nồng nồng khó tả”.

(Nhiều tác giả, trích *Nghĩa tình miền Tây*, Nxb. Hồng Đức, 2002, tr.44).

Trả lời:

- Yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình của đoạn văn trên là:

+ Yếu tố tự sự: *“Tôi lớn lên giữa mùi thơm quê hương, mấy đứa bạn tôi giờ mỗi đứa một nơi. Có đứa qua xứ Tây Đô lập nghiệp, có đứa đi làm dâu tận vùng miệt thứ Cà Mau. Còn tôi... sống và làm việc ở phố thị xa hoa, đêm đêm nhớ nhà, nhớ mùi thơm mà bật khóc.”*

- Yếu tố trữ tình: *“Chao ôi, cái mùi ra nồng nồng khó tả.”*

- Tác dụng:

+ Nghệ thuật: tăng sức gợi hình, gợi cảm cho đoạn văn; tạo sự sinh động, hấp dẫn, thu hút người đọc, người nghe.

+ Nội dung: Giúp tái hiện những kí ức tuổi thơ giản dị, sâu sắc gắn với cánh đồng quê của tác giả, qua đó thể hiện sự quan sát tinh tế gắn bó máu thịt, sự nâng niu, trân trọng của tác giả với quê hương mình.

Dạng câu hỏi nhận xét chủ đề của văn bản

Câu hỏi: Nhận xét về chủ đề của văn bản.

Trả lời:

+ Chủ đề của văn bản là: Văn bản thể hiện sự gắn bó của tác giả với những kí ức tuổi thơ, qua đó ca ngợi tình yêu quê hương, đất nước của tác giả.

+ Nhận xét: Đó là chủ đề quen thuộc, gần gũi, có ý nghĩa sâu sắc. Ví dụ 2:

Cho đến nay, dải đất ven sông Hương từ cầu Bạch Hổ lên chùa Thiên Mụ vẫn ấp ủ trong những vườn tược của nó, đáng đáp văn hóa của một trung tâm đô thị Việt Nam cổ. Chính trên mảnh đất này, thành phố Huế đã ra đời từ năm đó - năm 1636 - và Kim Long trở thành thủ phủ nổi tiếng của Đàng Trong trong suốt năm mươi năm tiếp theo. Cuộc sống phồn vinh, văn vẻ của mảnh đất Thuận Hóa trong thời kì này đã được phản ánh một cách khá đầy đủ trong nhiều sách vở tưởng không cần nhắc lại làm gì. Điều thú vị đối với tôi khi đọc lại, ấy là khi họ đến đây, nhiều người nước ngoài đều ngạc nhiên nhận xét rằng phụ nữ Kim Long ăn mặc rất đẹp; lí do là nghề dệt gấm thêu hoa đang thịnh hành khắp các phường thợ ven sông Hương. Có lẽ phụ nữ Huế giỏi thêu thùa, biết mặc đẹp, bắt đầu từ cái thời xa xôi ấy. Nên không lạ gì, một người khách du lịch đã đi nhiều nơi trên thế giới hồi ấy là cố đạo A-lec-xăng đơ Rốt, khi viết về “Kehue” (Kẻ Huế) đã nhắc lại nhiều lần rằng đây là một “thành phố lớn”.

Trước thời các chúa Nguyễn đến cấm đô ở đây, vùng Trung du ven sông Hương này đã xuất hiện những thôn hoa xanh biếc rậm rạp, dân cư sống bằng nghề vườn đã lâu đời. Sau này, như đã nhấn

mạnh trong các hồi ký về thành phố Kim Long thời ấy, thì các công thự cũng như nhà riêng, đều được xây cất giữa những khu vườn xanh tươi, đầy các thứ cây quý hoa lạ suu tầm từ khắp về. Đến lượt Phú Xuân, khi đã trở thành kinh đô của cả một đất nước sôi động chiến công dưới thời Quang Trung, Phú Xuân vẫn giữ riêng một phong thái yên tĩnh đầy chất thơ điện dã. Tôi rất cảm mến bà Lê Ngọc Hân, nàng công chúa đất Thăng Long vào đây làm Hoàng hậu, để trở nên một nhà thơ Huế. Vâng, phải là Huế biết mấy mới nhìn thấy được điều này: “Sương mù sắc tím nồng đượm mà hương thơm nức phòng the”. Ôi, tình yêu của bà, cuộc đời của bà, bão táp mà thanh tịnh biết bao nhiêu! Nhà thơ và người anh hùng đã xa khuất, không để lại mộ chí, riêng còn trong câu thơ một nét mặt thành phố trong sáng muôn đời.

[...] Bến đò Trường Thi ngày xưa nay là bãi khoai ngô Hợp tác xã, khu quán chợ nơi Lục Vân Tiên và Cao Bá Quát từng ngồi, bây giờ tĩnh mịch một ngôi chùa cổ, còn Quốc Tử Giám và cả khu hoa viên của Lê Văn Duyệt thì đã ngủ sâu dưới cây trái trong vườn dân. Nhưng mà nếp nhà cũ vẫn còn; cái liêu ở chái trên có vách gỗ, chắn song nhìn ra vườn, nơi mỗi nhà là chốn đèn sách bao đời. An Hiên... Dưới những mái hiên yên tĩnh kia, đã nẩy mầm kết trái bao nhiêu điều không ai biết, trong lý tưởng nhân đạo của Nguyễn Du, trong chính khi nổi giận của Cao Bá Quát, trong mộng kinh bang của Nguyễn Công Trứ và lòng Đạo của Nguyễn Đình Chiểu. Còn những nhân vật trường ốc cũ, qua cuộc đời đã trở thành những người dân lành, biết trồng cây, biết đọc sách và biết sống giữ lễ... Suốt ba trăm năm mươi năm xây dựng, Huế đã đời chỗ theo một vết dài chừng năm cây số dọc sông Hương, để lại đằng sau nó bản phác thảo đầu tiên của cái mô hình “thành phố vườn” bây giờ. Lịch sử đổi thay, con người đi qua, nhưng những thành phố còn lại. Để trả lời cho các thế hệ tương lai về những kinh nghiệm sống làm giàu có thêm nhân loại...

(Trích Hoa trái quanh tôi, Hoàng Phủ Ngọc Tường, Nxb. Trẻ, 1995, trang 26, 27, 28)

Dạng câu hỏi ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu

Câu hỏi: Nêu ý nghĩa của chi tiết “ba trăm năm mươi năm xây dựng” trong đoạn trích.

Trả lời:

Chi tiết “ba trăm năm mươi năm xây dựng” xuất hiện trong đoạn trích có ý nghĩa:

- + Là yếu tố quan trọng làm cho đoạn văn sinh động, hấp dẫn, lôi cuốn người đọc.
- + Nhấn mạnh quá trình hình thành và phát triển đến ngày hôm nay của xứ Huế không hề dễ dàng mà phải vượt qua bao thăng trầm, thử thách của lịch sử, của thời gian.
- + Đồng thời, khẳng định sự trường tồn bất biến của vẻ đẹp và giá trị văn hóa xứ Huế, một vẻ đẹp cổ kính lâu đời mà vẫn hiện đại. Vẻ đẹp và giá trị đó đã vượt lên trên sự thử thách của thời gian, sự biến thiên của lịch sử. Qua đó, tác giả thể hiện niềm tự hào, sự hiểu biết sâu sắc về lịch sử phát triển của xứ Huế.

Dạng câu hỏi lí giải tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản

Câu hỏi: Nhận xét tình cảm của tác giả dành cho quê hương, đất nước được thể hiện trong đoạn trích.

Trả lời:

- Tình cảm của tác giả Hoàng Phủ Ngọc Tường dành cho quê hương đất nước được thể hiện trong đoạn trích là:

+ Tác giả yêu quê hương bằng cả trái tim mình, tự hào về quê hương và trăn trở về những đổi thay của quê hương.

+ Ông dành tình yêu thương cho tất cả những gì bình dị, gần gũi của quê hương. Tác giả cũng biết ơn quê hương và những người đã góp phần xây dựng quê hương.

- Nhận xét: tình cảm của tác giả được thể hiện qua hình ảnh, ngôn ngữ mượt mà, giàu chất thơ. Đó là tình cảm chân thành, sâu sắc, mãnh liệt, đáng trân trọng, tự hào và ngợi ca.

Dạng câu hỏi phát hiện và lí giải các giá trị văn hóa, triết lý nhân sinh của văn bản

Câu hỏi: Tác giả đã khẳng định điều gì qua câu văn: “*Lịch sử đổi thay, con người đi qua, những những thành phố còn lại*”.

Trả lời:

- Câu văn: “*Lịch sử đổi thay, con người đi qua, nhưng những thành phố còn lại*” đã khẳng định: “*đổi thay*”, “*đi qua*”, “*còn lại*” không chỉ là những động từ thể hiện sự biến đổi, dịch chuyển hay sự tiếp tục mà còn ẩn chứa sự đối lập giữa sự trôi chảy, biến đổi với sự bất biến, trường tồn.

- Qua đó, tác giả muốn khẳng định với chúng ta về sự trường tồn, bất biến của những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của thành phố Huế nói riêng và các thành phố khác nói chung. Thời gian vận động, biến đổi không ngừng, các giai đoạn lịch sử sẽ khác đi, các thế hệ con người cũng sẽ thay đổi nhưng vẻ đẹp về văn hóa, cảnh sắc, cốt cách con người Huế thì vẫn còn mãi. Từ đó mỗi chúng ta hãy giữ gìn, bảo vệ những giá trị văn hóa của đất nước.

Ví dụ 3:

...(1) *Và một đêm, bị bà tôi mắng nhiếc tàn tệ, tôi uất ức lắm thì khóc tới một hai giờ. Rồi nhọc quá, tôi ngủ thiếp đi lúc nào không rõ. Thoát khỏi những sự đau tủi giày vò, tâm hồn tôi lại trở nên thư thái đi vào một cảnh mộng rất tươi sáng.*

(2) *Đó là một buổi tối tôi đi học thêm ở nhà một người bạn học, trên con đường vắng về nhà. Dưới ánh trăng bàng bạc bỗng hiện ra một bóng người mảnh dẻ, nhẹ bước trên bóng những cành lá xoan tây mờ mờ xao động suốt dải đường nhựa lập loáng. Tôi vội chạy theo, nhưng không kêu gọi. Bóng người liền quay lại. Tôi thoáng thấy hai con mắt long lanh trên gương mặt trắng mát chiếu lên nhìn tôi. Trước chiều gió, những sợi tóc bay xoã ra như tơ, phấp phới dưới vành trăng ngọc.*

(3) *Tôi vội nắm lấy hai cánh tay ẻo lả của người con gái nhỏ tuổi ấy giờ ra đón tôi như trao cho tôi, muốn đưa đi chạy nhảy, múa hát hay nô đùa thế nào thì muốn. Bao nhiêu phút giờ không rõ, tôi và cô bé có một da thịt ấm áp và những tiếng nói âu yếm thơm tho kia đầu tựa vào vai nhau, im lặng trong con mắt nhìn thần thờ như xót thương, như san sẻ, chia đắp cho nhau. Không biết trong lòng cô bé đó có những cảm tưởng gì đương nảy nở. Riêng tôi, tôi thấy hồi hộp, ngực lạnh hẳn đi.*

(4) *Tôi chẳng còn nghĩ đến cảnh đời đầy đoạ của tôi nữa. Lắm phen tôi muốn cất một tiếng nói bên tai cô, nhưng vừa trông qua vẻ mặt dịu hiền với đôi mắt lặng lẽ và những sợi tóc nhẹ nhàng phấp phới kia, tôi lại run sợ, ngồi im. Dần dần, tôi thiu thiu ngủ trong đôi mắt và hơi thở của cô*

bé mảnh dẻ. Trên bờ đê, ở chỗ chúng tôi ngồi, những vụn lá xoan vàng luôn luôn bay lên, tản mạn ra các nơi. Đồng thời lại có những vụn lá khác như bụi của vành trăng trong biếc loang loáng rơi xuống, rắc cả lên mái tóc chúng tôi và bay cả vào lòng chúng tôi.

(5) Thu - tên cô bé mảnh dẻ dịu dàng đã sống với tôi những giây phút êm đềm trong mơ ấy - là một cô học trò bằng trạc tôi. Hàng ngày Thu cùng với tôi đi về một đường. Trường học Thu cách trường học tôi chưa đầy một trăm thước, cách nhau có một bờ hè, một đầu đường và một hàng cây. Muốn tránh sự lồi thối xảy ra cho bọn trò nhỏ (bao giờ gây lỗi cũng là bọn trò trai) bà đốc trường Thu bao giờ cũng để học trò mình về sau. Nhưng tôi cứ lùi lại để gặp Thu, hoặc đứng dưới mái hiên ở đầu đường chờ Thu đi qua.

(Trích *Trong đêm đông, Những ngày thơ ấu*, Nguyên Hồng, Nxb. Văn hóa thông tin, 2006, tr.63-65)

Dạng câu hỏi phân tích được những đặc điểm của hình tượng trung tâm trong phóng sự, hồi kí, nhật kí; lí giải được vai trò, ý nghĩa của hình tượng này trong tác phẩm

Câu hỏi: Nếu ý nghĩa hình tượng nhân vật tôi trong đoạn trích trên,

Trả lời: Nhân vật tôi là nhân vật trung tâm của đoạn trích trên. Nhân vật tôi không nhận được tình yêu thương của những người trong gia đình. Bởi vậy mà nhân vật luôn thiếu thốn tình cảm, luôn hi vọng có người che chở, yêu thương và sẻ chia cùng mình.

+ Ý nghĩa: Qua nhân vật tôi, nhà văn bộc lộ vẻ đẹp tâm hồn của mình thời thơ ấu và những khao khát giản dị, đời thường; làm cho câu chuyện kể lại thêm phần chân thực, sinh động.

Dạng câu hỏi phân tích, lí giải một số thủ pháp nghệ thuật như: miêu tả, trần thuật; sự kết hợp chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, yếu tố chủ quan của người viết trong việc thể hiện nội dung văn bản

Câu hỏi: Phân tích sự kết hợp 2 thủ pháp nghệ thuật miêu tả và trần thuật ở đoạn (1) và (2) của văn bản trên.

Trả lời:

- Thủ pháp trần thuật: kể về việc một đêm nhân vật tôi bị bà mắng. Nhân vật tôi khóc tới một hai giờ, rồi nhọc quá và ngủ thiếp đi. Nhân vật tôi đi vào một cảnh mộng. Đó là một buổi tối đi học thêm ở nhà một người bạn học, trên con đường vắng về nhà.

- Thủ pháp miêu tả: Dưới ánh trăng bàng bạc hiện ra một bóng người mảnh dẻ, nhẹ bước trên bóng những cành lá xoan tây mờ mờ xao động suốt dải đường nhựa lấp loáng... Tôi thoáng thấy hai con mắt long lanh trên gương mặt trắng mát chiếu lên nhìn tôi. Trước chiều gió, những sợi tóc bay xòa ra như tơ, phấp phới dưới vành trăng ngọc.

- Vai trò của sự kết hợp thủ pháp trần thuật, miêu tả và tự sự giúp cho sự kiện nhân vật tôi bị bà mắng nhức nhối thậm tệ và hình tượng nhân vật tôi hiện lên một cách rõ ràng, sinh động. Nhân vật tôi là người thiếu thốn tình cảm, tuổi thơ không mấy tươi đẹp. Qua nhân vật tôi, tác giả khơi gợi sự cảm thông, sẻ chia nơi người đọc.

Câu hỏi: Sự kết hợp chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, yếu tố chủ quan của người viết trong đoạn (1) của văn bản trên có vai trò gì?

Trả lời:

- Chi tiết sự kiện hiện thực với trải nghiệm: Và một đêm, bị bà tôi mắng nhiếc tàn tệ, tôi uất ức thầm thì khóc tới một hai giờ. Rồi nhọc quá, tôi ngủ thiếp đi lúc nào không rõ.

- *Yếu tố chủ quan: Thoát khỏi những sự đau tủi giày vò, tâm hồn tôi lại trở nên thư thái đi vào một cảnh mộng rất tươi sáng.*

- Vai trò sự kết hợp chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, yếu tố chủ quan: giúp cho người đọc thấy được nhân vật tôi là người có số phận bất hạnh, khổ cực, thiếu thôn tình cảm của người thân, nhạy cảm và luôn khao khát được yêu thương. Qua đoạn trích ta thấy được những vấn đề mang ý nghĩa xã hội sâu sắc.

Dạng câu hỏi phân tích và đánh giá được sự phù hợp của người kể chuyện, điểm nhìn trong việc thể hiện chủ đề của văn bản

Câu hỏi: Phân tích sự phù hợp của người kể chuyện, điểm nhìn trong việc thể hiện chủ đề của đoạn trích.

Trả lời:

Người kể chuyện là tác giả - nhân vật tham gia vào câu chuyện và kể lại câu chuyện ở ngôi thứ nhất xưng tôi. Điểm nhìn từ bên trong nhân vật.

- Tác dụng:

+ Giúp người đọc hiểu sâu được thế giới nội tâm nhân vật. Làm cho câu chuyện trở nên chân thực.

+ Phù hợp trong việc thể hiện chủ đề của văn bản đó là khao khát được yêu thương, sẻ chia, cảm thông của trẻ thơ.

3. Vận dụng**a. Những yêu cầu cơ bản**

- Nêu, đánh giá được ý nghĩa hay tác động của văn bản tới quan niệm của bản thân về cuộc sống hoặc văn học. Đánh giá được khả năng tác động của tác phẩm với người đọc và tiến bộ xã hội theo quan điểm cá nhân.

- Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra trong văn bản. Rút ra bài học từ tác phẩm.

- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình tác phẩm, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm.

- Vận dụng những hiểu biết về lịch sử, văn hóa để lí giải quan điểm của tác giả thể hiện trong tác phẩm.

- So sánh được hai văn bản cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau.

b. Một số dạng câu hỏi và cách trả lời

Dạng 1: Nêu ý nghĩa hay tác động của văn bản tới quan niệm của bản thân về cuộc sống hoặc văn học.

Cách trả lời:

+ Nêu nội dung của văn bản.

+ Bày tỏ suy nghĩ về vai trò/ý nghĩa của vấn đề trong văn bản đối với cuộc sống con người.

Dạng 2: Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra trong văn bản.

Cách trả lời:

- + Em có đồng tình/không đồng tình/vừa đồng tình/vừa không đồng tình.
- + Em đồng tình/không đồng tình/vừa đồng tình vừa không đồng tình vì:
- + Thứ nhất là... (lập luận để bảo vệ ý kiến hoặc bác bỏ ý kiến).
- + Thứ hai là... (lập luận để bảo vệ ý kiến hoặc bác bỏ ý kiến).

Lưu ý: Nếu chọn cách trả lời vừa đồng tình vừa không đồng tình thì kết hợp hai cách trả lời trên.

Dạng 3: Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình tác phẩm, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm.

Cách trả lời:

- + Đánh giá, phê bình tác phẩm:
- ++ Thành công: về nghệ thuật và nội dung.
- + +Hạn chế: nêu ra những điều cảm thấy chưa phù hợp, chưa thỏa mãn, còn băn khoăn.
- + Suy nghĩ, cảm xúc của cá nhân về tác phẩm:
- + +Trình bày cảm xúc của cá nhân về giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.
- ++ Tác động về mặt nhận thức: Giúp nhận ra giá trị...
- + +Tác động về mặt tình cảm: Bồi đắp tình cảm... Ví

dụ:

“Tại một công trường làm đường Tây Bắc, 1966.

Tôi nhìn ra cái tàu lặn nghiêng đá mặt đường mới, nhìn ra những kíp thợ xây dựng mở đường, nhìn ra một tổ ong của anh chị em làm đường vừa mang được ong chúa về. Cửa sổ buồng tôi viết, lúc nào cũng nhận nhịp cánh tay người và những cánh ong quen dần với tổ mới. Ong bay trên trang sổ tay tôi. Ong tua tròn trên trang giấy chữ nhật trắng, như là tàu bay đảo nhiều vòng chờ lệnh hạ cánh xuống. Buồng bên có người bị ong đốt. Bởi vì người đó hoảng hốt vừa giết ong một cách không cần thiết, và người thấy mùi máu, bọn ong cùng tổ liền xông tới đốt. Rồi ong cũng lặn ra chết, linh hồn xuất theo luôn với nọc đốt. Con ong bé cũng như con voi to, vốn tinh lành nhưng khiêu khích chúng thì chúng đánh lại ngay, dẫu rằng có phải lấy bốn mạng ra mà trả lời. Anh cán bộ địa chất liền cho tôi mượn một số tạp chí khoa học có mấy trang về nuôi ong. Giờ tôi mới biết rằng đó là một thế giới đầy sinh thú. Đời sống con ong để lại cho người đọc nó một bài học về kiên nhẫn, về cần lao, về tích lũy, chế tạo và sáng tạo. Người ta đã đánh dấu con ong, theo dõi nó, và thấy rằng cái giọt mật làm ra đó, là kết quả của 2.700.000 chuyến (bay) đi, đi từ tổ nó đến khắp các nơi có hoa quanh vùng. Và trong một nửa lít mật ong đóng chai, phân chất ra

được 5 vạn thứ hoa. Tính ra thành bước chân người thì tổng cộng đường bay của con ong đó là 8.000.000 cây số.

Giữa rừng Tây Bắc đầy hoa, đầy bướm, đầy ong, cái tôi thấy say say trong chính mình là dẫu không được một chuyến đi bằng một đời ong, mình cũng là một con sinh vật đang nung một thủ mật gì. Sự tích lũy ở mình cũng ngày ngày có giọt ra mà phần nào đem thơm thảo vào sự sống. Đồi hoa xuân lảng ong mật mà thêm ngấm tới đàn bướm tốt mã chấp chới bay, lộng lẫy những sắc phấn của sáo ngữ ồn ào. Bướm phù phiếm cũng bay vào hoa, nhưng cặp cánh hào nhoáng cũng chẳng để lại gì. Từ ngày có lịch sử tiến hóa của loài người, chưa ai dám nói đến mật bướm.”
(Trích *Tờ hoa*, Tuyển tập Nguyễn Tuân (tập 2), Nxb. Văn học, 1998, trang 5-6)

Dạng câu hỏi nêu ý nghĩa hay tác động của văn bản tới quan niệm của bản thân về cuộc sống hoặc văn học.

Câu hỏi: Từ nội dung đoạn trích, anh/chị có suy nghĩ gì về vai trò của lòng kiên nhẫn? Trả lời:

-Nêu nội dung của văn bản: Từ đời sống con ong mà nhà văn phát hiện ra bài học cuộc sống về cần lao, về tích lũy, về chế tạo và về sáng tạo trong đó có lòng kiên nhẫn của con người.

- Vai trò của lòng kiên nhẫn: Kiên nhẫn giúp con người có ý chí bền bỉ hơn để theo đuổi mục tiêu, ước mơ; giúp con người xử lý những vấn đề bất ngờ một cách tốt hơn; giúp con người điềm tĩnh hơn, sáng suốt hơn...

Dạng câu hỏi vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình tác phẩm, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm.

Câu hỏi: Em có suy nghĩ gì sau khi đọc văn bản *Người lái đò sông Đà* của Nguyễn Tuân? Trả lời:

- Đó là một tác phẩm có nội dung, nghệ thuật hấp dẫn và ý nghĩa vô cùng sâu sắc.

+Về giá trị nội dung: Tác phẩm khắc họa hình tượng sông Đà vừa hung bạo hùng vĩ, vừa thơ mộng trữ tình và hình tượng người lái đò Tây Bắc trí dũng, tài hoa. Từ đó khẳng định, ngợi ca vẻ đẹp của thiên nhiên và con người lao động ở miền Tây Bắc của Tổ quốc.

+Về giá trị nghệ thuật:

++ Những ví von, so sánh, liên tưởng, tưởng tượng độc đáo, bất ngờ và rất thú vị.

+ +Từ ngữ phong phú, sống động, giàu hình ảnh và có sức gợi cảm cao.

+ +Câu văn đa dạng, nhiều tầng, giàu nhịp điệu, lúc thì hối hả, gân guốc, khi thì chậm rãi, trữ tình...

-Từ tác phẩm, em nhận ra vẻ đẹp của thiên nhiên và con người lao động. Qua đó, em càng thêm yêu quý, trân trọng vẻ đẹp của thiên nhiên, quê hương, đất nước và con người.

II. ĐỀ MINH HỌA ĐỌC HIỂU VĂN BẢN KÍ

Đọc đoạn trích sau:

(1) Con sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban, hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân. Tôi đã nhìn say sưa làn mây mùa xuân bay trên sông Đà. Mùa xuân dòng xanh ngọc bích, chứ nước sông Đà không xanh màu xanh canh hến của sông Gâm, sông Lô. Mùa thu nước sông Đà từ từ chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa, lừ lừ cái màu đỏ giận dữ ở một người bất mãn bực bội gì mỗi độ thu về. Chưa hề bao giờ tôi thấy dòng sông Đà là đen như thực dân Pháp đã dè chừng con sông ta ra đổ mực Tây vào mà gọi bằng một cái tên Tây láo lếu, rồi cứ thế mà phiết vào bản đồ lai chữ.

(2) Con sông Đà gọi cảm. Đối với mỗi người, sông Đà lại gọi một cách. Đã có lần tôi nhìn sông Đà như một cố nhân. Chuyện ấy ở rừng đi núi cũng đã hơi lâu, đã thấy thêm chỗ thoáng. Mãi bám gót anh liên lạc, quên đi mất là mình sắp đổ ra sông Đà. Xuống một cái dốc núi, trước mắt thấy loang loáng như trẻ con nghịch chiếu gương vào mắt mình rồi bỏ chạy. Tôi nhìn cái miếng sáng lóe lên một mẫu nắng tháng ba Đường thi “Yên hoa tam nguyệt hả Dương Châu”. Bờ sông Đà, bãi sông Đà, chuồn chuồn bươm bướm trên sông Đà. Chao ôi, trông con sông, vui như thấy nắng giòn tan sau kì mưa dầm, vui như nối lại chiêm bao đứt quãng. Đi rừng dài ngày rồi lại bắt ra sông Đà, đúng thế, nó đầm đầm ẩm ẩm như gặp lại cố nhân, mặc dầu người cố nhân ấy mình biết là lắm bệnh lắm chứng, chốc dịu dàng đấy, rồi chốc lại bẳn tính và gắt gỏng thác lũ ngay đấy”... (Trích Người lái đò sông Đà, Nguyễn Tuân, Ngữ văn 12, Tập một, Nxb. Giáo dục Việt Nam, 2012, tr.190-191)

Thực hiện hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5:

Câu 1. Trong đoạn trích, tác giả đã miêu tả sự thay đổi sắc nước sông Đà qua những mùa nào? Câu

2. Xác định yếu tố hư cấu trong đoạn (1).

Câu 3. Nêu chủ đề của đoạn trích.

Câu 4. Anh/Chị rút ra được thông điệp gì cho bản thân sau khi đọc đoạn trích trên?

Câu 5. Từ nội dung văn bản, anh/chị có suy nghĩ gì về vai trò của quê hương đối với con người?

Trả lời:

Câu 1. Theo tác giả, sông Đà thay đổi sắc nước qua những mùa Xuân, Thu.

Câu 2. Yếu tố hư cấu trong đoạn (1) là:

- + Con sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban, hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân.,
- + Mùa thu nước sông Đà lừ lừ chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa, lừ lừ cái màu đỏ giận dữ ở một người bất mãn bực bội gì mỗi độ thu về

Câu 3. Chủ đề của đoạn trích là:

- Qua việc miêu tả con sông Đà từ trên cao nhìn xuống và từ trong rừng đi ra, tác giả ca ngợi vẻ đẹp của Đà giang, của quê hương, đất nước.

Câu 4.

- Thông điệp có ý nghĩa nhất với em là mỗi chúng ta phải biết trân trọng vẻ đẹp của quê hương, đất nước.
- Thông điệp trên có ý nghĩa đối với em vì:
 - + Quê hương đất nước là nơi gắn bó máu thịt với mỗi con người. Vì vậy, chúng ta phải biết trân trọng.
 - + Khi trân trọng vẻ đẹp quê hương, đất nước, chúng ta mới có ý thức giữ gìn, xây dựng và bảo vệ cho quê hương, đất nước giàu đẹp.
 - + Nếu không biết trân trọng vẻ đẹp của quê hương, đất nước, cuộc sống của chúng ta sẽ trở nên vô nghĩa.

Câu 5.

- Nội dung của văn bản: Đoạn trích miêu tả vẻ đẹp thơ mộng trữ tình, gợi cảm, tươi mới, độc đáo của dòng sông Đà. Qua đó ta thấy được tình yêu quê hương đất nước của nhà văn.
- Vai trò của quê hương: Quê hương không chỉ nuôi lớn chúng ta về mặt thể chất mà nuôi dưỡng những tình cảm đẹp để cho tâm hồn mỗi người. Quê hương dạy chúng ta biết yêu thương, gắn bó với những người thân yêu...